TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:106/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Hữu Luân và bà Nguyễn Thị T2

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 177/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Tạ Thị Hồng H**,** sinh năm 1979.

Số CCCD ngày cấp 29/4/2021. Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

Thường trú và nơi ở: Cụm 6, xã H, T phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Bùi Duy T, sinh năm 1979.

Số CCCD ngày cấp 19/8/2021. Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

Thường trú và nơi ở: Cụm 6, xã H, T phố Hà Nội.

(Đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị H và anh Bùi Duy T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện T, T phố Hà Nội (nay là Cụm 6, xã Hồng Vân, T phố Hà Nội) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29/12/2006. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu

thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, mối quan hệ hôn nhân luôn trong trạng thái căng thẳng. Anh T do nghiện rượu chè cờ bạc dẫn tới việc nợ nần, chị H đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Bùi Huệ T, sinh ngày 19/11/2007 và Bùi A, sinh ngày 19/10/2009. Sau ly hôn chị H xin được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Bùi Huệ T2 và Bùi A; Không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Anh Bùi Duy T trình bày: Anh và chị H lấy nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, T phố Hà Nội (nay là Cụm 6, xã Hồng Vân, T phố Hà Nội) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29/12/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh T thỉnh thoảng đi uống rượu với bạn bè, không làm chủ được bản thân nên có xô xát với chị H. Có một lần vì quá tức giận, anh T có tát chị H một cái do chị H xưng mày tao. Chị H đã nhiều lần nhắc tới vấn đề ly hôn nhưng anh T không đồng ý. Anh và chị H đã sống ly thân từ khoảng tháng 10/2024 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ, để cùng chăm sóc các con. Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Bùi Huệ T2, sinh ngày 19/11/2007 và Bùi A, sinh ngày 19/10/2009. Anh T mong muốn được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Bùi Huệ T2 và Bùi A; không yêu cầu chị H đóng góp nuôi con chung. Trường hợp các con chung xin ở với chị H thì anh cũng tôn trọng ý kiến của con chung. Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Anh T và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời khai của cháu Bùi Huệ T2 và cháu Bùi A là con chung của chị H và anh T: Trong quá trình chung sống, 02 cháu biết việc chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn trong nhiều năm và đã chứng kiến cảnh anh T đánh chị H. Theo quan điểm của cháu T2 và cháu A, chị H và anh T không thể ở với nhau nữa. Nay chị H có yêu cầu ly hôn với anh T, 02 con chúng đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn vì thực tế mâu thuẫn khá trầm trọng không thể đoàn tụ. Sau khi ly hôn, cháu T2 và cháu A đều xin được ở với chị H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H xử cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao 02 con chung là Bùi Huệ T2, sinh ngày 19/11/2007 và Bùi A, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Tạ Thị Hồng H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng T hoặc có thay đổi. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh T đến khi có yêu cầu và anh T có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Anh T và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét;

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, T phố Hà Nội (nay là Ủy ban nhân dân xã Hồng Vân, T phố Hà Nội) cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai và tại phiên tòa, có cơ sở để xác định đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn anh Bùi Duy T, thường trú tại Cụm 6, xã Hồng Vân, T phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị Hồng H và anh Bùi Duy T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2006, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh T không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và về kinh tế, anh T do nghiện rượu chè cờ bạc dẫn tới việc nợ nần, chị H đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn không thay đổi dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T và chị H đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay,

không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị được ly hôn với anh T. Anh T xác định nguyên nhân chính là do anh, nhưng anh đã biết sai và tự điều chỉnh bản thân, để chuộc lại lỗi lầm và việc mình gây ra cho chị H, anh đã nhờ họ hàng và bạn bè để xin chị H tha thứ, nhưng chị H không đồng ý, giữa anh và chị không có tiếng nói chung, mỗi khi anh nói chuyện để vợ chồng đoàn tụ chị H tỏ thái độ không đồng ý. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, chị Tạ Thị Hồng H đề nghị được ly hôn là có căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu của chị H xin ly hôn.

[3] Về con chung: Xét thấy thu nhập chị H đủ điều kiện để chăm sóc 02 con chung và nguyện vọng của 02 con chung được ở với chị H, nên giao 02 con chung là Bùi Huệ T2, sinh ngày 19/11/2007 và Bùi A, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Tạ Thị Hồng H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng T hoặc có thay đổi khác. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh T đến khi có yêu cầu và anh T có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị Hồng H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51;56;58;81;82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 227; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Tạ Thị Hồng H đối với anh Bùi Duy T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị Hồng H được ly hôn với anh Bùi Duy T.

Về con chung: Giao chị Tạ Thị Hồng H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Huệ T2, sinh ngày 19/11/2007 và Bùi A, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Tạ Thị Hồng H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng T hoặc có thay đổi khác. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh T đến khi có yêu cầu và anh T có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Tạ Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai BLTU/23/0058709 ngày 23 tháng 06 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, T phố Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội).

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hứa Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND KV 11 – Hà Nội;
- Phòng THADSKV11 -Hà Nội;
- UBND xã Hồng Vân;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.